

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2017/DS-PT
Ngày 12-12-2017
V/v tranh chấp hợp đồng mua
bán mía

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngọc Hoàng Đình Thục

Các Thẩm phán: Bà Lê Thị Kim Nga
Ông Lê Minh Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 06 và 12 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 217/TLPT-DS ngày 16/10/2017 về tranh chấp hợp đồng mua bán mía.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 264/2017/QĐ-PT ngày 07 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thúy H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp 10, xã L, huyện B, tỉnh L.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Lê Thị H1, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Số 43 Ô 6, khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L. (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 28/9/2017)

- Bị đơn: Công ty Cổ phần mía đường H. Địa chỉ trụ sở chính: Khu vực 1, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh L.

Người đại diện hợp pháp theo pháp luật: Ông N, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Ngọc Diễm H2, sinh năm 1965. Địa chỉ thường trú: Số 219/9, đường P, phường P, Quận 1, Thành phố H. Địa chỉ liên lạc: Số 120, Quốc lộ 13, Tổ 5, ấp X, xã T, huyện H, tỉnh B. (theo giấy ủy quyền ngày 23/6/2017 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần mía đường H).

- *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn:* Luật sư Lê Minh T, Văn phòng Luật sư M, Đoàn Luật sư tỉnh B.

- *Người kháng cáo:* Công ty Cổ phần mía đường H.

(Bà H1 có mặt; Bà H2, Luật sư T có mặt tại phiên tòa ngày 06/12/2017, vắng mặt khi tuyên án vào ngày 12/12/2017).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Lê Thúy H đã trình bày tóm tắt như sau:

Ngày 10/9/2015, bà có ký Hợp đồng số 225/HĐ.MĐHH.NL-KN (sau đây gọi tắt là Hợp đồng 225) với Công ty Cổ phần mía đường H (Sau đây gọi tắt là Công ty), có nội dung là Công ty bao tiêu sản phẩm mía cây, vụ trồng 2014 – 2015 cho bà. Thực hiện Hợp đồng 225, bà đã giao cho Công ty số lượng mía ép là 89,360 tấn, thành tiền là 91.517.048đ. Công ty đã thanh toán cho bà số tiền 44.517.048đ. Bà khởi kiện yêu cầu Công ty phải thanh toán cho bà số tiền còn lại là 47.000.000đ theo Giấy xác nhận thanh toán tiền mía vụ 2015 - 2016 do ông Trần Văn V là Phó Tổng Giám đốc của Công ty ký tên và đóng dấu.

Bị đơn Công ty Cổ phần mía đường H do bà Nguyễn Ngọc Diễm H2 đại diện theo ủy quyền trình bày: Công ty không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà H, vì: Người ký Hợp đồng 225 với bà H là ông C, không phải là ông N; Giấy xác nhận thanh toán tiền mía vụ 2015 - 2016 do ông Trần Văn V ký tên và đóng dấu của Công ty nhưng ông V không có thẩm quyền.

Tại Bản án số 134/2017/DS-ST ngày 27/7/2017, Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh L đã quyết định: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thúy H. Buộc Công ty Cổ phần mía đường H thanh toán cho bà Lê Thúy H số tiền mua mía còn nợ là 47.000.000đ. Án sơ thẩm còn quyết định về án phí, lãi nếu chậm thanh toán, quyền kháng cáo.

Ngày 15/8/2017, Tòa án nhân dân huyện Đ nhận được đơn kháng cáo ghi ngày 08/8/2017 của Công ty Cổ phần mía đường H gửi qua đường bưu chính ngày 10/8/2017, kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại. Ngày 07/9/2017 Công ty Cổ phần mía đường H nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện Bị đơn đã trình bày: Theo Bản tự khai của Bị đơn thì Nguyên đơn chưa đủ điều kiện khởi kiện. Nguyên đơn trình bày tại phiên tòa sơ thẩm ngày 27/7/2017 là Nguyên đơn đã ký Hợp đồng với ông Nguyễn Hoàng V1 và có một Giấy xác nhận tiền mía do ông Cổ Trí D ký nhưng hồ sơ vụ án không thể hiện và Tòa án cấp sơ thẩm không triệu tập ông V1, ông D để làm rõ; Địa chỉ của bà H trong Hợp đồng 225 và trên Giấy xác nhận nợ 47.000.000đ do ông Trần Văn V ký khác nhau, việc trùng số giấy chứng minh nhân dân không chứng minh được bà Lê Thúy H trên Hợp đồng 225 và trên Giấy xác nhận nợ là cùng một người và vấn đề này chưa được Tòa án làm rõ; ông V không có ủy quyền của Công ty xác nhận nợ theo quy định tại mục 3 Điều 27 Điều lệ Công ty; tài sản giao dịch là của cá nhân của bà H hay của hộ gia đình bà H chưa được làm rõ; Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm thủ tục tố tụng văn bản tố tụng cho Bị đơn dẫn đến việc Bị đơn không được công khai chứng cứ và tham gia hòa giải, không đưa ông V và những người trong hộ gia đình của bà H tham gia tố tụng, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án để Tòa án cấp sơ thẩm làm đầy đủ thủ tục lại từ ban đầu.

Luật sư phát biểu bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn trình bày: Giấy xác nhận nếu có sai sót về địa chỉ của bà H thì cũng có khả năng số giấy chứng minh nhân dân cũng có sai sót. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tư cách tham gia tố tụng của bà H1 vì thời điểm ngày 15/11/2017 Luật sư tiếp cận hồ sơ vụ án không có tài liệu về tư cách tham gia tố tụng của bà H1. Theo Giấy ủy quyền số 45/GUQ-MĐHH-HĐQT ngày 14/10/2015 thì thời hạn ông V được Công ty ủy quyền đã chấm dứt vào ngày 31/12/2015. Tại cấp sơ thẩm, Công ty nhận được thông tin về vụ án thông qua ông V, trong khi ông V không còn nhiệm vụ ở Công ty và Bị đơn đã có đơn xin hoãn phiên tòa sơ thẩm nhưng không được chấp nhận nên không đồng ý hòa giải ở cấp phúc thẩm mà đề nghị hủy án sơ thẩm để thực hiện đúng thủ tục tố tụng.

Đại diện Nguyên đơn trình bày: Theo Hợp đồng 225 và Giấy xác nhận nợ 47.000.000đ, đủ căn cứ để chứng minh Nguyên đơn có quyền khởi kiện. Các Giấy xác nhận nợ được phát hành theo mẫu của Bị đơn, nếu có sai sót là do lỗi của Bị đơn. Số giấy chứng minh nhân dân là của Nguyên đơn, còn địa chỉ khác nhau là do địa chỉ nơi Nguyên đơn cư trú và nơi trồng mía thực hiện hợp đồng khác nhau. Ngày 13/9/2016 là mốc thời gian sau cùng Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn. Việc xác định mía giao dịch là tài sản chung của hộ gia đình của Nguyên đơn hay tài sản riêng của Nguyên đơn là quan hệ khác, không liên quan đến vụ án này.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kháng cáo của Bị đơn trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét theo trình tự phúc thẩm. Theo Hợp đồng 225 và Giấy xác nhận nợ 47.000.000đ, đủ căn cứ để chứng minh Nguyên đơn có đủ điều kiện khởi kiện. Bị đơn cho rằng ông V không có thẩm quyền ký xác nhận nợ, nhưng trên

Giấy xác nhận đã được đóng dấu của Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của Bị đơn hoàn toàn không yêu cầu giám định về con dấu. Việc xác định tài sản giao dịch là tài sản chung của hộ gia đình của Nguyên đơn hay tài sản riêng của Nguyên đơn là quan hệ khác, nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng vụ án khác nên không cần thiết phải đưa những người trong hộ gia đình của Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án này. Đề nghị Hội đồng xét xử thẩm tra về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về các thủ tục tố tụng trong giai đoạn xét xử phúc thẩm:

[1] Kháng cáo của Bị đơn là đúng luật theo quy định tại Điều 271, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được chấp nhận. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn không rút đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Vụ án được xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Các đương sự vắng mặt thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án vẫn xét xử phúc thẩm vụ án. Đại diện của Bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn có mặt tại phiên tòa phúc thẩm ngày 06/12/2017 nhưng vắng mặt khi tuyên án vào ngày 12/12/2017 mà không có lý do, nên căn cứ Điều 267 Hội đồng xét xử tuyên đọc bản án vắng mặt những người này.

Về kháng cáo của Bị đơn yêu cầu hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại:

[3] Về thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho Bị đơn tại giai đoạn xét xử sơ thẩm: Hồ sơ vụ án thể hiện ông Trần Văn V là người trực tiếp nhận các Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập Bị đơn tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Theo tường trình của ông V thì hiện nay ông V vẫn đang làm việc cho Bị đơn và ông V đã giao ngay các văn bản tố tụng của Tòa án sơ thẩm cho Bị đơn. Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử phúc thẩm, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đã được tiếp cận các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đại diện Bị đơn không cung cấp chứng cứ mới và cũng từ chối hòa giải với Nguyên đơn. Do đó, việc hủy bản án sơ thẩm chỉ vì lý do này như Bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đã nại ra là không có căn cứ và chỉ kéo dài việc giải quyết vụ án.

[4] Về tư cách tham gia tố tụng của bà H1: Ngày 16/11/2017, Nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án Hợp đồng ủy quyền cho bà Lê Thị H1 đại diện Nguyên đơn tham gia tố tụng trong vụ án tại cấp phúc thẩm. Việc ủy quyền hoàn toàn đúng quy định của pháp luật.

[5] Biên bản phiên tòa sơ thẩm ngày 27/7/2017 (bút lục 74) thể hiện Nguyên đơn xác định ông Nguyễn Hoàng V1 chỉ là người đưa Hợp đồng 225 cho Nguyên đơn ký, trên Hợp đồng 225 thể hiện rõ Bên mua mía (Bên A) là Bị

đơn, do ông C ký với chức vụ là Tổng Giám đốc và có đóng dấu mộc của Công ty (bút lục 40, 41), phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 31 Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Ông N là Chủ tịch Hội đồng quản trị và là người đại diện theo pháp luật của Công ty từ tháng 11/2016, không phải là người điều hành hoạt động của Công ty tại thời điểm xác lập Hợp đồng 225.

[6] Mặc dù địa chỉ của Nguyên đơn trên Hợp đồng 225 và trên Giấy xác nhận nợ 47.000.000đ do ông Trần Văn V ký khác nhau, nhưng số CNMD là giống nhau và vấn đề này đã được Bản án sơ thẩm nhận định rõ tại đoạn 2 mục [1] (trang 4) và nhận định này của Bản án sơ thẩm là có căn cứ. Các Giấy xác nhận thanh toán tiền mía vụ 2015 - 2016 do ông Cổ Trí D – Tổng Giám đốc và ông Trần Văn V – Phó Tổng Giám đốc ký tên đều được phát hành theo mẫu của Bị đơn và được đóng dấu của Bị đơn, số lượng mía và ngày cân mía trên 02 giấy xác nhận giống nhau. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Bị đơn mặc dù không đồng ý việc ông D, ông V ký tên xác nhận nợ, nhưng không phản đối và không yêu cầu giám định về con dấu của Công ty trên các giấy xác nhận.

[7] Từ nhận định tại mục [3], [4], [5], [6], các lý lẽ mà Bị đơn và Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn đã nại ra để yêu cầu hủy bản án sơ thẩm là không có căn cứ, cần bác toàn bộ kháng cáo của Bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm về trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ thanh toán của Bị đơn.

[8] Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm áp dụng lãi suất cơ bản nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền là chưa phù hợp quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015, vì vậy cần sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm về phần này.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn phải chịu do bị bác kháng cáo.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 308, Điều 483 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 280, Điều 281, Điều 290, Điều 428, Điều 438 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Bác yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần mía đường H.
2. Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 134/2017/DS-ST ngày 27/7/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ.
3. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thúy H. Buộc Công ty Cổ phần mía đường H thanh toán cho bà Lê Thúy H số tiền mua mía còn nợ là 47.000.000 (bốn mươi bảy triệu) đồng.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc Công ty Cổ phần mía đường H phải nộp 2.350.000đ (hai triệu ba trăm năm mươi ngàn) đồng án phí sung công quỹ Nhà nước. Bà Lê Thúy H không phải chịu án phí và được hoàn trả khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.175.000 (một triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0000342 ngày 20/4/2017.
6. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc Công ty Cổ phần mía đường H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, khấu trừ vào 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001282 ngày 07/9/2017.
7. Tất cả các biên lai thu đều của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh L.
8. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.
9. Về hiệu lực của bản án: Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án là ngày 12 tháng 12 năm 2017./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Ngọc Hoàng Đình Thục